TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 1 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 1 · Đề số 36

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Số 9 gồm 4 và mấy?

A. 3 **B.** 4 **C.** 2 **D.** 5

Câu 2. *(0,5 điểm)* Kết quả của phép tính 3 + 6 là:

A. 9 **B.** 7 **C.** 6 **D.** 8

Câu 3. *(0,5 điểm)* Trong hình dưới đây có bao nhiêu hình chữ nhật?

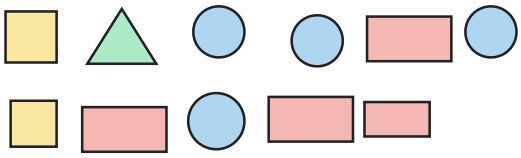

A. 2 **B.** 1 **C.** 4 **D.** 5

Câu 4. *(0,5 điểm)* Đồ vật nào dưới đây có dạng khối lập phương?

A. cái nón lá **B.** quyển từ điển

C. khối rubik **D.** quả cam

Câu 5. *(0,5 điểm)* Con mèo nằm ở dưới cái ghế. Vậy cái ghế ở đâu so với con mèo?

A. ở bên trái **B.** ở trên **C.** ở dưới **D.** ở bên phải

Câu 6. *(0,5 điểm)* Phép tính nào có kết quả bằng 4?

A. 10 − 6 **B.** 1 + 2 **C.** 9 − 6 **D.** 3 + 2

Câu 7. *(0,5 điểm)* Kết quả của phép tính 3 + 3 + 4 là:

A. 8 **B.** 10 **C.** 9 **D.** 7

Câu 8. *(0,5 điểm)* Trong hình dưới đây có bao nhiêu khối lập phương?

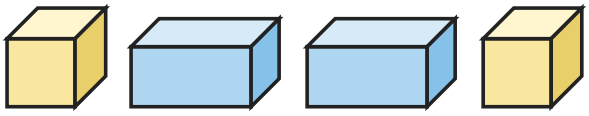

A. 0 **B.** 2 **C.** 5 **D.** 1

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Tính:

a) 8 − 6 − 2 = ……

b) 1 + 1 − 1 = ……

c) 8 − 3 − 5 = ……

d) 9 − 7 − 2 = ……

Câu 10. *(1 điểm)* Số? Mỗi ngôi nhà có số trên mái bằng tổng hai số ở hai ô bên dưới.

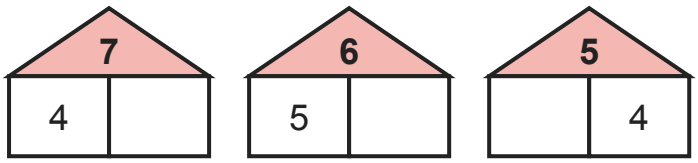

a) Nhà số 7: ô trống là ……

b) Nhà số 6: ô trống là ……

c) Nhà số 5: ô trống là ……

Câu 11. *(1 điểm)* Quan sát hình rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:

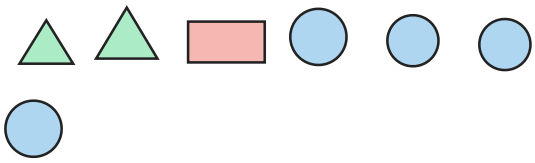

a) Có …… hình tròn.

b) Có …… hình tam giác.

c) Có …… hình chữ nhật.

Câu 12. *(1 điểm)* Số?

a) 1 − …… = 0

b) 1 = 1 − ……

c) …… − 1 = 8

d) 8 = 7 + ……

Câu 13. *(1 điểm)* Số? Viết số thích hợp vào ô trống theo chiều mũi tên.



a) Ô thứ nhất: ……

b) Ô thứ hai: ……

Câu 14. *(1 điểm)* Trên cành có 7 con chim. Có thêm 1 con chim bay đến. Trên cành có tất cả bao nhiêu con chim? Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a) Trả lời: Có tất cả …… con chim.

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 1 · Đề số 36

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	A	C	C	B	A	B	B

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) $8 - 6 - 2 = 0$

b) $1 + 1 - 1 = 1$

c) $8 - 3 - 5 = 0$

d) $9 - 7 - 2 = 0$

Câu 10.

a) $7 = 4 + 3$

b) $6 = 5 + 1$

c) $5 = 1 + 4$

Câu 11.

a) Có 4 hình tròn.

b) Có 2 hình tam giác.

c) Có 1 hình chữ nhật.

Câu 12.

a) $1 - 1 = 0$

b) $1 = 1 - 0$

c) $9 - 1 = 8$

d) $8 = 7 + 1$

Câu 13.

$7 - 4 = 3$; $3 - 3 = 0$.

Câu 14.

Phép tính: $7 + 1 = 8$ (hoặc $1 + 7 = 8$). Trả lời: 8 con chim.